Bệnh Viện Đa Khoa
HỒNG ĐỨC III

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỒNG ĐỨC
32/2 Thống Nhất, Phường 10, Gò Vấp, Tphố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:(028) 3996 9999 *Email:info@hongduchospital.vn*

BẢNG GIÁ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2025

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
1	ACC 200mg	Thuốc	Gói	1,892
2	Actrapid 1000/10 UI/ml	Thuốc	Lọ	64,199
3	Acyclovir 800mg	Thuốc	Viên	4,400
4	Acyclovir Stella 5g	Thuốc	Tuýp	18,189
5	Adacast	Thuốc	Lọ	105,930
6	Adrenalin 1mg/1ml	Thuốc	Ống	3,080
7	Agifamcin 300mg	Thuốc	Viên	2,750
8	Akynzeo	Thuốc	Viên	1,935,960
9	Albenca 200	Thuốc	Viên	3,234
10	Albuman 20%	Thuốc	Lọ	886,200
11	Albutein 20% 50ML	Thuốc	Chai	965,662
12	Allopurinol Stella 300 mg	Thuốc	Viên	1,035
13	Aloxi	Thuốc	Lọ	1,699,830
14	Alphachymotrypsine inj.	Thuốc	Ống	7,865
15	AlphaDHG	Thuốc	Viên	1,247
16	ALSIFUL 10MG	Thuốc	Viên	7,062
17	Alverin	Thuốc	Viên	305
18	Amebismo	Thuốc	Viên	4,180
19	Aminazin 1,25%/2ml	Thuốc	Ống	2,310
20	Aminoplasmal 10% 250ml	Thuốc	Chai	114,307

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
21	Aminoplasmal 10% 500ml	Thuốc	Chai	164,956
22	Aminoplasmal 5% 250ml	Thuốc	Chai	77,477
23	Aminoplasmal 5% 500ml	Thuốc	Chai	131,727
24	Amitriptilin 25 mg	Thuốc	Viên	1,092
25	Amlodac 5	Thuốc	Viên	270
26	Amlodipine Stella 5mg	Thuốc	Viên	401
27	Amlor tab 5mg	Thuốc	Viên	8,125
28	Amlor Viatris 5mg (capsules)	Thuốc	Viên	8,125
29	Ampicillin 1g MKP	Thuốc	Lọ	7,490
30	Antilox plus	Thuốc	Gói	3,575
31	Anzatax 150mg/25ml	Thuốc	Lọ	3,237,044
32	Anzatax 30mg	Thuốc	Lọ	791,816
33	Angut 300mg	Thuốc	Viên	1,147
34	Aquima 10ml	Thuốc	Gói	3,630
35	Arges 1g/15ml	Thuốc	Gói	4,828
36	Arimenus 1MG/1ML	Thuốc	Ống	21,347
37	Artrodar 50mg	Thuốc	Viên	13,341
38	Aspirin 81 mg (Stella)	Thuốc	Viên	402
39	Atropine 0,25mg	Thuốc	Ống	725
40	Augmentin 1g tablets	Thuốc	Viên	17,848
41	Augmentin 250mg	Thuốc	Gói	11,417
42	Augmentin 500mg	Thuốc	Gói	17,135
43	Avodart	Thuốc	Viên	18,465
44	Azicine 250mg (Gói)	Thuốc	Gói	3,850
45	Azicine 250mg (Viên nang)	Thuốc	Viên	3,960
46	Bacsulfo 1g/0,5g	Thuốc	Lọ	85,600
47	BACTAMOX 1.5 g	Thuốc	Lọ	64,040
48	Bambec 10mg	Thuốc	Viên	6,034
49	Bar chai lớn	Thuốc	Lọ	59,898
50	Bar chai nhỏ	Thuốc	Lọ	20,223

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
51	B-Coenzyme	Thuốc	Viên	4,840
52	Berlthyrox 100 mcg	Thuốc	Viên	828
53	Berocca (Bayer)	Thuốc	Viên	7,844
54	Bestdocel 20mg/1ml	Thuốc	Lọ	299,219
55	Bestdocel 80mg/4ml	Thuốc	Lọ	519,741
56	Betahistine STELLA 16 mg	Thuốc	Viên	713
57	Betaloc Zok 50mg	Thuốc	Viên	5,874
58	Betaserc 24mg	Thuốc	Viên	6,379
59	BFS-ADENOSIN	Thuốc	Lọ	840,000
60	BFS-Amiron 150 mg/3 ml	Thuốc	Lọ	25,680
61	BFS-Nabica 8,4%	Thuốc	Lọ	21,122
62	BFS-Naloxone 0.4mg/ml	Thuốc	Ống	31,458
63	BFS-Nicardipin 10mg/10ml	Thuốc	Lọ	89,880
64	BFS-Noradrenaline 4mg	Thuốc	Lọ	57,780
65	BFS-Piracetam 4000mg/10ml	Thuốc	Ống	32,100
66	BIAFINE 93g	Thuốc	Tuýp	105,930
67	Bibonlax 8g	Thuốc	Tuýp	11,770
68	Bicefzidim 1g	Thuốc	Lọ	24,717
69	BIDIFERON	Thuốc	Viên	483
70	Bigemax 1g	Thuốc	Lọ	352,800
71	Bigemax 200	Thuốc	Lọ	132,300
72	Biosoft 10mg	Thuốc	Viên	4,389
73	BIOSUBTYL-II	Thuốc	Viên	1,650
74	Biragan 300	Thuốc	Viên	2,968
75	Bironem 1g	Thuốc	Lọ	83,139
76	Bisolvon Kids (siro-chai 60ml)	Thuốc	Chai	37,209
77	Bivantox 300 tab	Thuốc	Viên	9,630
78	Bocartin 150mg/15ml	Thuốc	Lọ	272,979
79	Bonasol Once Weekly 70 mg Oral Solution	Thuốc	Chai	132,300
80	Branin	Thuốc	Viên	7,383

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
81	Bromhexfar 8mg	Thuốc	Viên	423
82	Brufen 5ml/100mg	Thuốc	Chai	64,735
83	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml (20ml)	Thuốc	Lọ	52,911
84	Buscopan 10mg	Thuốc	Viên	1,318
85	Calci clorid 500mg/5ml	Thuốc	Ống	1,155
86	Calci folinat 50mg/5ml	Thuốc	Ống	27,820
87	Calci-D	Thuốc	Viên	472
88	Calcium corbière extra 10ml	Thuốc	Ống	6,358
89	Calcium corbière extra Kids 5ml	Thuốc	Ống	5,290
90	Calcium Stella 500 mg	Thuốc	Viên	3,850
91	Cancidas 50mg	Thuốc	Lọ	6,661,620
92	Canesten 1% T/20g	Thuốc	Tuýp	54,835
93	Canpaxel 100	Thuốc	Lọ	278,249
94	Captopril Stella 25mg	Thuốc	Viên	517
95	Casodex	Thuốc	Viên	119,834
96	CEBEST 100mg	Thuốc	Gói	8,453
97	Ceelin syrup 60 ml	Thuốc	Lọ	44,404
98	Cefotaxone 1g	Thuốc	Lọ	14,044
99	Ceftrione 1g	Thuốc	Lọ	15,729
100	Celosti 200	Thuốc	Viên	3,927
101	Ceralon 120mg	Thuốc	Viên	6,955
102	Cerebrolysin 10ml	Thuốc	Ống	112,455
103	Cernevit	Thuốc	Lọ	148,374
104	Ciprobay Bayer 400mg/200ml	Thuốc	Chai	267,580
105	Ciprobay Bayer 500mg	Thuốc	Viên	16,264
106	CIPROFLOXACIN KABI (200mg/100ml)	Thuốc	Chai	13,578
107	Cisplatin Bidiphar 10mg/20ml	Thuốc	Lọ	89,880
108	Clarithromycin Stella 500mg	Thuốc	Viên	4,180
109	Col Flumetholon 0.1% 5ml	Thuốc	Lọ	34,424
110	Col Tobrex	Thuốc	Lọ	42,799

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
111	Col Vigamox Drop 0,5% 5ml	Thuốc	Lọ	96,300
112	Colchicine STELLA 1 mg	Thuốc	Viên	1,150
113	Colisodi 3,0 MIU	Thuốc	Lọ	702,450
114	COMBIVENT 2.5MG + 0.5MG X 2.5ML	Thuốc	Ống	17,199
115	Concor 2,5 mg	Thuốc	Viên	3,462
116	Concor 5mg	Thuốc	Viên	4,719
117	Cordarone 200mg	Thuốc	Viên	8,025
118	Coveram 5mg/10mg	Thuốc	Viên	7,050
119	Coveram 5mg/5mg	Thuốc	Viên	7,050
120	Coversyl 5 mg	Thuốc	Viên	5,380
121	Coversyl plus 5/1.25mg	Thuốc	Viên	6,955
122	Cravit I.V 250mg/50ml	Thuốc	Lọ	95,765
123	Cravit I.V 750mg/150ml	Thuốc	Lọ	341,250
124	Cravit tab 750mg	Thuốc	Viên	64,200
125	Crestor tab 10mg	Thuốc	Viên	10,589
126	Curam 1000 mg	Thuốc	Viên	7,265
127	Curam 250mg/5ml (Chai 60ml)	Thuốc	Chai	88,810
128	Curam Sandoz 1g	Thuốc	Viên	6,362
129	Chlorpheniramine 4mg	Thuốc	Viên	92
130	Daflon 500mg	Thuốc	Viên	4,275
131	Dalacin C 300mg	Thuốc	Viên	12,062
132	Dalekine 500mg	Thuốc	Viên	2,750
133	Dasselta 5mg	Thuốc	Viên	5,778
134	DEGAS	Thuốc	Ống	15,729
135	Depakine 200mg	Thuốc	Viên	2,727
136	Depo Medrol 40mg	Thuốc	Lọ	37,096
137	Desone 2,5 mg/5ml	Thuốc	Ống	7,490
138	Destacure Syrup 60ml	Thuốc	Chai	72,760
139	Dexamethasone 4mg/1ml inj	Thuốc	Ống	1,155
140	Dextrose Natri 500ml	Thuốc	Chai	12,134

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
141	Diamicron MR 30 mg	Thuốc	Viên	2,950
142	Diamicron MR 60mg	Thuốc	Viên	5,485
143	Diaphyllin Venosum 240 mg	Thuốc	Ống	19,425
144	Diazepam 10mg/2ml(Vidipha)	Thuốc	Ống	5,618
145	Digoxin-BFS	Thuốc	Lọ	17,120
146	DigoxineQualy	Thuốc	Viên	805
147	DilodinDHG	Thuốc	Viên	2,310
148	Diltiazem Stella 60 mg	Thuốc	Viên	1,430
149	Dimedrol 10mg/1ml	Thuốc	Ống	725
150	Diopolol 2.5	Thuốc	Viên	932
151	Diprospan (5+2)Mg/ml	Thuốc	Ống	80,510
152	Diurefar 40 mg	Thuốc	Viên	247
153	Dloe 4 mg	Thuốc	Viên	11,770
154	Dobutamine - hameln 5mg/ml	Thuốc	Lọ	152,145
155	Dobutamine- hameln 12,5mg/ml	Thuốc	Ống	96,300
156	Domitazol	Thuốc	Viên	3,190
157	Domuvar	Thuốc	Ống	5,885
158	Dopegyt 250 mg	Thuốc	Viên	2,915
159	Doxorubicin Bidiphar 50mg	Thuốc	Lọ	198,450
160	Doxycycline 100mg MKP	Thuốc	Viên	690
161	Dtriol 0.25mcg	Thuốc	Viên	4,389
162	Duphalac	Thuốc	Gói	5,001
163	Duphalac 10g/15ml	Thuốc	Gói	2,851
164	Duphaston 10Mg	Thuốc	Viên	8,269
165	Duratocin 100mcg/ml	Thuốc	Ống	376,145
166	Ebysta 10ml	Thuốc	Gói	4,400
167	E-cox 60	Thuốc	Viên	7,330
168	Efferalgan 150mg sac	Thuốc	Gói	3,008
169	Efferalgan 150mg sup	Thuốc	Viên	2,662
170	Efferalgan 250mg sac	Thuốc	Gói	3,865

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
171	Efferalgan 500 mg	Thuốc	Viên	3,161
172	Efferalgan 80 mg sup	Thuốc	Viên	2,227
173	Elnitine	Thuốc	Ống	4,389
174	Elthon 50mg	Thuốc	Viên	5,012
175	Enalapril Stella 10mg	Thuốc	Viên	571
176	ENAT 400	Thuốc	Viên	3,776
177	Endoprost 125mcg	Thuốc	Lọ	180,495
178	Endoxan 200 Mg	Thuốc	Lọ	53,317
179	Enervon C	Thuốc	Viên	2,651
180	Entopride 50mg	Thuốc	Viên	4,290
181	Epclusa 400mg/100mg	Thuốc	Viên	288,750
182	Epirubicin Bidiphar 50	Thuốc	Lọ	352,800
183	Ephedrine Aguettant 30mg/10ml	Thuốc	Ống	88,275
184	Esmeron	Thuốc	Lọ	128,121
185	Esomaxcare 40 Tablet	Thuốc	Viên	16,050
186	Esomeprazol Azevedos 40mg	Thuốc	Lọ	134,400
187	Ethambutol 400mg	Thuốc	Viên	1,353
188	EXFORGE 5mg+80mg	Thuốc	Viên	10,686
189	Exomuc 200mg	Thuốc	Gói	4,565
190	Fabamox 1000 mg	Thuốc	Viên	5,060
191	Farnisone 5mg	Thuốc	Viên	406
192	Farzincol 10Mg	Thuốc	Viên	362
193	Fatig 10 ml	Thuốc	Ống	6,260
194	Febuxotid 40mg	Thuốc	Viên	11,235
195	Febuxotid vk 80	Thuốc	Viên	15,622
196	Fentanyl B.Braun 0.1mg/2ml	Thuốc	Ống	19,260
197	FIRMAGON 120mg	Thuốc	Lọ	2,993,445
198	Flexsa 1500	Thuốc	Gói	9,095
199	Floezy 0,4mg	Thuốc	Viên	12,840
200	Fluconazole stella 150mg	Thuốc	Viên	10,699

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
201	Fluotin 20mg	Thuốc	Viên	2,195
202	Forxiga 10mg	Thuốc	Viên	20,330
203	Fosmicin 500mg	Thuốc	Viên	23,433
204	Franilax 50mg+20mg	Thuốc	Viên	1,540
205	Fresofol 1% MCT/LCT 20ml	Thuốc	Ống	58,850
206	Fucicort 15g	Thuốc	Tuýp	105,224
207	Fucidin cream 2% 15g	Thuốc	Tuýp	80,330
208	Fugacar 500mg	Thuốc	Viên	23,540
209	Fungafin 10mg	Thuốc	Lọ	80,250
210	Furosemide Stella 40mg	Thuốc	Viên	575
211	Fyranco	Thuốc	Lọ	398,664
212	Garnotal 100mg	Thuốc	Viên	362
213	Gaviscon 10ml	Thuốc	Gói	6,564
214	Gentrisone 10g	Thuốc	Tuýp	15,101
215	Glucophage 1000mg	Thuốc	Viên	4,073
216	Glucophage 500mg	Thuốc	Viên	1,758
217	Glucophage 850mg	Thuốc	Viên	3,786
218	Glucophage XR 750mg	Thuốc	Viên	4,045
219	Glucose 10% 500ml KABI	Thuốc	Chai	14,606
220	Glucose 10% 500ml Otsuca	Thuốc	Chai	12,519
221	Glucose 30% 250ml	Thuốc	Chai	11,572
222	Glucose 5% 500ml Kabi	Thuốc	Chai	8,763
223	Glucose 5% 500ml Otsuca	Thuốc	Chai	11,021
224	Glucovance 500mg/5mg	Thuốc	Viên	5,184
225	Glypressin 1mg/5ml	Thuốc	Lọ	782,114
226	Glyxambi 10mg/5mg	Thuốc	Viên	39,876
227	Golistin soda	Thuốc	Lọ	47,080
228	Golistin-Enema	Thuốc	Lọ	55,613
229	Halofar	Thuốc	Viên	156
230	Hapacol 150mg	Thuốc	Gói	2,079

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
231	Hapacol 250	Thuốc	Gói	2,483
232	Hapacol 325	Thuốc	Viên	374
233	Haspan	Thuốc	Viên	4,180
234	Helinzole 20 mg	Thuốc	Viên	1,238
235	Heparin 25000UI (Henalip)	Thuốc	Lọ	209,475
236	Herceptin 600mg/5ml	Thuốc	Lọ	25,047,732
237	Herceptin Vial 150mg	Thuốc	Lọ	13,165,231
238	HERTICAD 150mg	Thuốc	Lọ	8,460,900
239	Hoastex-S	Thuốc	Chai	46,010
240	Hornol	Thuốc	Viên	4,829
241	Humalog Kwikpen 100 U/ml	Thuốc	Bút	207,900
242	Hydrocortison	Thuốc	Lọ	17,931
243	Iboten 100 mg	Thuốc	Viên	718
244	ICLARAC	Thuốc	Viên	3,080
245	Imdur 30mg	Thuốc	Viên	3,570
246	Imdur 60mg	Thuốc	Viên	6,883
247	Imexime 100mg	Thuốc	Gói	7,303
248	Imipenem Cilastatin Kabi 500 mg/500 mg	Thuốc	Lọ	95,230
249	ImmunoHbs - 180 IU/ml	Thuốc	Lọ	1,784,999
250	Imodium	Thuốc	Viên	3,052
251	IMOJEV	Thuốc	Lọ	663,617
252	IMPLANON NXT 68MG	Thuốc	Que	1,755,011
253	Influvac Tetra	Thuốc	Lọ	277,200
254	Interginko 80mg	Thuốc	Viên	5,335
255	Invanz 1g	Thuốc	Lọ	580,042
256	Irbesartan Stella 150 mg	Thuốc	Viên	2,472
257	Irinotecan bidiphar 100mg/5ml	Thuốc	Lọ	598,481
258	Japrolox 60mg	Thuốc	Viên	5,082
259	Jardiance 10mg	Thuốc	Viên	24,687
260	Kali Clorid 500mg	Thuốc	Viên	857

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
261	Kalimate 5g	Thuốc	Gói	16,050
262	Kalira 5g	Thuốc	Gói	15,729
263	Keppra 500mg	Thuốc	Viên	16,553
264	Kidmin 200ml	Thuốc	Túi	120,750
265	Klamentin 1g	Thuốc	Viên	5,258
266	Lamone 100	Thuốc	Viên	2,530
267	Levetstad 500	Thuốc	Viên	7,918
268	LevoDHG 500mg	Thuốc	Viên	6,741
269	Levothyrox 100mcg	Thuốc	Viên	1,617
270	Levothyrox 100mcg tablets	Thuốc	Viên	2,125
271	Lidocain 40mg/2ml	Thuốc	Ống	466
272	Lidocaine 10% Spray	Thuốc	Chai	166,950
273	Linod	Thuốc	Lọ	367,500
274	Lipanthyl 200mg	Thuốc	Viên	8,302
275	Lipiget 20mg	Thuốc	Viên	5,510
276	Lipitor 10mg tab	Thuốc	Viên	17,057
277	Lipitor Viatris 20mg	Thuốc	Viên	17,057
278	Lipofundin 10% 250ml	Thuốc	Chai	152,233
279	Livermarin 140mg	Thuốc	Viên	6,420
280	Livolin Forte	Thuốc	Viên	5,350
281	Lixiana 60 mg	Thuốc	Viên	57,780
282	Lodegald-Urso 300mg	Thuốc	Viên	11,770
283	Lostad T25	Thuốc	Viên	575
284	Lostad T50	Thuốc	Viên	1,453
285	Lyoxatin (Bidiphar) 50mg/10ml	Thuốc	Lọ	269,848
286	Lypstaplus 10/10mg	Thuốc	Viên	12,367
287	Lyrica 75mg	Thuốc	Viên	18,923
288	Magne B6 Corbiere	Thuốc	Viên	2,009
289	Magnesi-B6 Stella Tablet	Thuốc	Viên	1,000
290	Magie sulfat 15% 10ml	Thuốc	Ống	3,190

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
291	Manitol 20% 250ml	Thuốc	Chai	24,610
292	Marcaine spinal heavy 0,5% 4ml	Thuốc	Ống	44,512
293	Mecefix-B.E 200mg	Thuốc	Viên	8,560
294	Medrol 16mg	Thuốc	Viên	4,039
295	Medrol 4mg	Thuốc	Viên	1,130
296	Meglucon 1000 mg	Thuốc	Viên	1,033
297	Meileo 250mg/10ml	Thuốc	Ống	308,700
298	Meko INH150mg	Thuốc	Viên	345
299	Mekotropyl 800	Thuốc	Viên	800
300	Mekozitex 10	Thuốc	Viên	167
301	Menactra	Thuốc	Lọ	1,101,559
302	Mepoly 10ml	Thuốc	Lọ	42,586
303	Meronem Inj 1g	Thuốc	Lọ	577,444
304	Meseca	Thuốc	Lọ	102,720
305	Metformin STELLA 850 mg	Thuốc	Viên	828
306	Metiny 375	Thuốc	Viên	10,593
307	Metocloramid Kabi 10mg/2ml	Thuốc	Ống	2,091
308	Methotrexat 50mg/2ml	Thuốc	Lọ	80,892
309	Methycobal 500mcg tab	Thuốc	Viên	3,858
310	Methylergometrine Maleate 0.2mg/ml	Thuốc	Ống	22,042
311	METROGYL DENTA 10g	Thuốc	Tuýp	28,890
312	Metronidazol 0,5g/100ml B.Braun	Thuốc	Chai	17,132
313	Metronidazol Kabi 500mg/100ml	Thuốc	Chai	8,088
314	METRONIDAZOLE 250mg	Thuốc	Viên	411
315	Meve-Raz 15mg/1,5ml	Thuốc	Ống	22,807
316	Mezathin S 3g	Thuốc	Gói	31,030
317	MG-Tan Inj 960ml	Thuốc	Túi	644,963
318	Micardis 40mg	Thuốc	Viên	10,520
319	Mifestad 200mg	Thuốc	Viên	126,000
320	Milian 20ml	Thuốc	Chai	11,235

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
321	Mimosa Viên An Thần	Thuốc	Viên	1,155
322	Mirenzine 5mg	Thuốc	Viên	1,265
323	Misoprostol STELLA 200mcg	Thuốc	Viên	4,950
324	Mixtard 30 100IU/ml 10ml	Thuốc	Lọ	80,250
325	Mobic 7,5mg	Thuốc	Viên	9,761
326	Modom's 10mg	Thuốc	Viên	449
327	Morcvax (Lọ 1 liều - 1.5ml)	Thuốc	Lọ	80,662
328	Moriamin forte	Thuốc	Viên	3,454
329	Morihepamin 200 ml	Thuốc	Túi	122,463
330	Morphin 30 mg	Thuốc	Viên	7,650
331	Morphine 10Mg/1Ml	Thuốc	Ống	7,483
332	Motilium 30ml	Thuốc	Chai	27,630
333	Motilium-M	Thuốc	Viên	2,174
334	Myonal 50mg	Thuốc	Viên	3,758
335	Naloxone Hcl 0.4Mg/1Ml	Thuốc	Ống	47,075
336	Nanokine 4000 IU	Thuốc	Lọ	271,215
337	Natri clorid 0,9% 1000ml (dùng ngoài)	Thuốc	Chai	14,606
338	Natri clorid 0,9% 10ml MKP	Thuốc	Chai	3,298
339	Natri Clorid 0.9% 1000Ml Dùng Ngoài Bđ	Thuốc	Chai	14,606
340	Natri Clorid 0.9% 500ml Kabi	Thuốc	Chai	8,876
341	Natri Chlorid 0.9 nhỏ mắt mũi (chai 10ml)	Thuốc	Lọ	3,103
342	Natrilix SR 1.5mg	Thuốc	Viên	3,591
343	Nausazy 4mg	Thuốc	Ống	15,729
344	Neni 800mg	Thuốc	Viên	1,319
345	Neo Codion	Thuốc	Viên	3,944
346	Neostigmine- hameln 0,5mg/ml injection	Thuốc	Ống	17,093
347	Nephrosteril 250 ml	Thuốc	Chai	107,100
348	Neupogen 30MIU/0.5 ml	Thuốc	Bơm tiêm	585,949
349	Neurontin 300	Thuốc	Viên	12,108
350	Nexium 10mg	Thuốc	Gói	24,028

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
351	Nexium 40mg inj	Thuốc	Lọ	161,238
352	Nexium Mups 20mg	Thuốc	Viên	24,028
353	Nexium Mups 40mg	Thuốc	Viên	24,028
354	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Thuốc	Ống	131,249
355	Nifedipin T20 Retard	Thuốc	Viên	655
356	Nifehexal la 30mg	Thuốc	Viên	3,486
357	Niglyvid (Glyceryl Trinitrate 1 mg/ml)	Thuốc	Ống	85,903
358	Nirdicin 250mg	Thuốc	Viên	21,935
359	Noklot 75mg	Thuốc	Viên	938
360	Nolvadex -D 20mg	Thuốc	Viên	6,081
361	Normagut	Thuốc	Viên	7,255
362	Nospa 40mg/2ml	Thuốc	Ống	5,677
363	Novocress Infusion	Thuốc	Chai	49,996
364	NovoMix 30 FlexPen	Thuốc	Bút	210,533
365	Nutriflex Peri 1000Ml	Thuốc	Túi	433,393
366	Nước cất pha tiêm 5 ml	Thuốc	Ống	1,038
367	Nước vô khuẩn MKP 500ml	Thuốc	Chai	12,305
368	Oflovid Ophthalmic Ointment	Thuốc	Tuýp	79,746
369	Olanxol 10mg	Thuốc	Viên	2,541
370	Oleanzrapitab 5mg	Thuốc	Viên	1,320
371	Omnipaque Iod 300mg/100ml	Thuốc	Chai	454,975
372	Opesinkast 4mg	Thuốc	Viên	4,394
373	Opesinkast 5mg	Thuốc	Viên	4,455
374	Optoflox 500mg	Thuốc	Viên	10,633
375	Oresol 245	Thuốc	Gói	1,386
376	Oresol new	Thuốc	Gói	1,155
377	Orgametril 5Mg	Thuốc	Viên	2,596
378	Osmofundin 20% 250ml	Thuốc	Chai	20,865
379	Ostagi 70	Thuốc	Viên	37,664
380	Oxacillin 1g	Thuốc	Lọ	34,240

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
381	Oxy Già 10tt (3%)-60Ml	Thuốc	Chai	1,894
382	Paciflam 5mg/1ml	Thuốc	Ống	21,931
383	Panadol 500mg	Thuốc	Viên	1,006
384	Panadol Extra	Thuốc	Viên	1,384
385	Panangin	Thuốc	Viên	3,080
386	Pancres	Thuốc	Viên	3,300
387	Panfor SR -1000	Thuốc	Viên	1,705
388	Panfor SR -500	Thuốc	Viên	1,320
389	Panfor SR-750	Thuốc	Viên	977
390	Paracetamol B.Braun 1g/100ml	Thuốc	Chai	44,940
391	Paracetamol Kabi 1000	Thuốc	Chai	12,302
392	Partamol Tab	Thuốc	Viên	632
393	P-Cet 250	Thuốc	Lọ	661,500
394	Pecabine 500mg	Thuốc	Viên	25,841
395	PEG-GRAFEEL 6mg/0.6ml	Thuốc	Ống	4,364,070
396	Pentasa 500mg (Ferring)	Thuốc	Viên	12,705
397	Pethidine 100Mg/2Ml	Thuốc	Ống	20,852
398	Pipolphen 50 Mg/ 2Ml	Thuốc	Ống	16,050
399	PMS - Zanimex 500mg	Thuốc	Viên	16,050
400	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	Thuốc	Ống	5,885
401	Povidine 10% 90ml	Thuốc	Chai	16,291
402	Povidon iod 10% 500ml	Thuốc	Chai	47,724
403	Pracetam 1200	Thuốc	Viên	2,310
404	Pregabakern 100 mg	Thuốc	Viên	19,260
405	Priorix	Thuốc	Lọ	283,500
406	Procoralan 7.5 mg	Thuốc	Viên	11,284
407	Progesterone 25mg	Thuốc	Ống	21,560
408	Propofol-Lipuro 1% 20ml	Thuốc	Ống	100,576
409	Propranolol 40mg TV.Pharm	Thuốc	Viên	1,138
410	Prospan Cough Syrup 85ml	Thuốc	Chai	72,760

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
411	Proxybon	Thuốc	Viên	7,490
412	Pulmicort 1mg/2ml	Thuốc	Ống	26,649
413	Pulmicort 500 mCg/2ml	Thuốc	Ống	14,802
414	Pulmicort Respules 500mcg/2ml	Thuốc	Ống	14,802
415	Pyrazinamide 500mg	Thuốc	Viên	731
416	Pharmox 500mg	Thuốc	Viên	1,848
417	Phosphalugel	Thuốc	Gói	4,415
418	Phytogyno 100ml	Thuốc	Chai	19,260
419	Rabeloc I.V.	Thuốc	Lọ	140,700
420	Raceca 30mg	Thuốc	Gói	5,671
421	Reamberin 1.5% inj	Thuốc	Chai	176,370
422	Recormon 2.000 IU	Thuốc	Bơm tiêm	240,823
423	Rectiofar 3ml	Thuốc	Ống	2,558
424	Redditux 500mg/50ml	Thuốc	Lọ	9,836,064
425	Residron 35mg	Thuốc	Viên	57,245
426	Rhinex 0,05%	Thuốc	Lọ	5,166
427	Ringer lactate 500ml	Thuốc	Chai	8,539
428	Rocephin 1g I.V	Thuốc	Lọ	147,437
429	Rodilar	Thuốc	Viên	243
430	Rodogyl	Thuốc	Viên	7,276
431	Rosutrox 10mg	Thuốc	Viên	9,416
432	Rowatinex	Thuốc	Viên	3,880
433	Ryzodeg FlexTouch 100 U/ml	Thuốc	Bút	431,811
434	Saferon cap	Thuốc	Viên	4,950
435	Sandostatine 0.1mg	Thuốc	Ống	253,601
436	Sanlein 0.1 5ml	Thuốc	Lọ	66,509
437	Saxenda 6mg/ml	Thuốc	Bút	1,263,780
438	Scanax 500	Thuốc	Viên	1,430
439	Scanneuron Stella	Thuốc	Viên	1,320
440	Seduxen Richter 5mg	Thuốc	Viên	1,386

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
441	Selemycin 500mg/2ml	Thuốc	Ống	40,660
442	Septanest with Adrenaline 1/100,000	Thuốc	Ống	18,832
443	Sevorane 250 ml	Thuốc	Chai	3,650,172
444	Sifstad 0.18	Thuốc	Viên	4,009
445	Simethicone Stella 15ml	Thuốc	Chai	21,414
446	Singulair tab 5mg	Thuốc	Viên	14,447
447	Sismyodine 50mg	Thuốc	Viên	299
448	Smecta	Thuốc	Gói	4,489
449	Sodium bicarbonate 4,2% 250ml	Thuốc	Chai	103,683
450	Sodium Chlorid 0,9% 500ml	Thuốc	Chai	10,593
451	Sodium Chloride 0,9% 1000ml	Thuốc	Chai	18,725
452	Sodium Chloride 0,9% 100ml	Thuốc	Chai	9,309
453	Sodium chloride 3%	Thuốc	Chai	11,235
454	Soli-medon 40	Thuốc	Lọ	28,088
455	Solu-Medrol 125 mg inj.	Thuốc	Lọ	81,010
456	Solu-Medrol 40 mg inj.	Thuốc	Lọ	44,802
457	Somazina 1000Mg/4 Ml	Thuốc	Ống	87,633
458	Sorbitol 3,3% 1000ml MKP	Thuốc	Chai	25,693
459	Sorbitol DHG 5g	Thuốc	Gói	1,155
460	Sovasol	Thuốc	Chai	72,760
461	Spasmomen 40mg	Thuốc	Viên	3,889
462	Sporal 100mg	Thuốc	Viên	16,264
463	Stadleucin 500mg	Thuốc	Viên	2,640
464	Stadnex 20 CAP	Thuốc	Viên	3,058
465	Stadnex 40 CAP	Thuốc	Viên	6,420
466	Stadnolol 50	Thuốc	Viên	540
467	Stadovas 5 CAP	Thuốc	Viên	839
468	Statripsine	Thuốc	Viên	869
469	Sterogyl 20ml	Thuốc	Lọ	115,500
470	Stugeron	Thuốc	Viên	853

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
471	Sufentanyl 50 Mcg/1Ml	Thuốc	Ống	56,175
472	Sugam-BFS 100mg/ml	Thuốc	Ống	1,606,500
473	Sulfaprim 480mg	Thuốc	Viên	517
474	Sulfaprim F 960mg	Thuốc	Viên	529
475	Sulpiride Stella 50mg	Thuốc	Viên	610
476	Tanatril 10mg	Thuốc	Viên	6,471
477	Tanganil 500mg	Thuốc	Viên	5,073
478	Tazocin	Thuốc	Lọ	234,885
479	Tefostad T300	Thuốc	Viên	2,750
480	Telfast 180 Mg	Thuốc	Viên	8,590
481	Tetracyclin 1% (5g)	Thuốc	Tuýp	4,400
482	Tilatep	Thuốc	Lọ	210,000
483	Tinidazol 500mg HG	Thuốc	Viên	1,155
484	Tobradex Drop 5ml	Thuốc	Lọ	50,610
485	Tocimat 180	Thuốc	Viên	3,234
486	Topamax 25Mg	Thuốc	Viên	5,564
487	Thuốc rơ miệng Nyst	Thuốc	Gói	1,444
488	Thyrozol 5 mg	Thuốc	Viên	1,540
489	Trainfu 10ml	Thuốc	Lọ	31,458
490	Trajenta 5mg	Thuốc	Viên	17,287
491	Tramadol 100Mg Inj	Thuốc	Ống	14,965
492	TRANSAMIN 500MG	Thuốc	Viên	4,235
493	Transamin inj 250mg/5ml	Thuốc	Ống	16,532
494	Trihex 2mg	Thuốc	Viên	161
495	Trymo Tables	Thuốc	Viên	3,520
496	Uni-Atropin 10mg/ml	Thuốc	Ống	13,482
497	Uperio 100mg	Thuốc	Viên	21,400
498	Utrogestan 200 mg (Spain)	Thuốc	Viên	15,887
499	Valgesic 10mg	Thuốc	Viên	5,498
500	Vancomycin 500mg Bidiphar	Thuốc	Lọ	44,940

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
501	Vancomycin 500mg Vinphaco	Thuốc	Lọ	17,387
502	Vastarel MR 35mg	Thuốc	Viên	2,975
503	VASULAX 10mg	Thuốc	Viên	10,165
504	Venlafaxine Stella 37,5mg	Thuốc	Viên	5,350
505	Verospiron 25 mg	Thuốc	Viên	2,749
506	VG - 5	Thuốc	Lọ	35,053
507	Vincapar 275	Thuốc	Viên	3,465
508	Vincerol 1mg	Thuốc	Viên	966
509	Vincopane 20 mg/1ml	Thuốc	Ống	3,707
510	Vin-Hepa 5g/10ml	Thuốc	Ống	44,940
511	Vinlido 200mg	Thuốc	Ống	16,050
512	Vinphatoxin 10 IU/1ml	Thuốc	Ống	6,955
513	Vinphatoxin 5 IU/ml	Thuốc	Ống	3,080
514	VINPHYTON 10mg	Thuốc	Ống	1,815
515	Vinsalmol 2,5mg/2,5ml	Thuốc	Ống	4,851
516	Vinzix 40mg/4ml	Thuốc	Ống	10,112
517	Vitamin A 5000 IU MKP	Thuốc	Viên	333
518	Vitamin B1 100 mg/ml	Thuốc	Ống	966
519	Vitamin B12 1000 mcg/ml	Thuốc	Ống	667
520	Vitamin C Stella 1g	Thuốc	Viên	2,090
521	VITAMIN PP 500mg	Thuốc	Viên	659
522	Vitamin PP 500mg VBF	Thuốc	Viên	423
523	Vitamin PP 50mg	Thuốc	Viên	106
524	Voltaren 100mg suppo	Thuốc	Viên	16,694
525	Voltaren 50mg	Thuốc	Viên	3,825
526	Voltaren 75mg INJ 3ml	Thuốc	Ống	19,330
527	Voltaren emulgel 1% 20g	Thuốc	Tuýp	73,295
528	Voltaren SR FCT 75mg	Thuốc	Viên	6,618
529	Volulyte 6% 500ml	Thuốc	Túi	115,500
530	Xarelto 20mg	Thuốc	Viên	62,060

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
531	Xenetix 350 100 ml	Thuốc	Lọ	646,748
532	Xylocain jelly 2% 30g	Thuốc	Tuýp	71,390
533	Zaromax 250	Thuốc	Viên	3,025
534	Zavicefta 2g/0,5g	Thuốc	Lọ	2,827,440
535	Zenace 1000mg/10ml	Thuốc	Ống	13,482
536	Zencombi 2.5mg/ 2.5ml (2,5mg +0,5mg)/2.5ml	Thuốc	Lọ	13,482
537	Zensalbu nebules 2.5	Thuốc	Ống	4,851
538	Zensalbu nebules 5.0	Thuốc	Ống	8,988
539	Zensonid 0,5mg/2ml	Thuốc	Lọ	13,482
540	Zentanil 1g/10ml	Thuốc	Lọ	25,894
541	Zentanil 500mg/5ml	Thuốc	Lọ	13,482
542	Zestril tab 10mg	Thuốc	Viên	6,524
543	ZinC 15	Thuốc	Gói	4,950
544	Zinc 70mg	Thuốc	Viên	725
545	Zinnat 250mg	Thuốc	Viên	13,386
546	Zinnat 500mg	Thuốc	Viên	23,679
547	Zoladex	Thuốc	Ống	2,619,663
548	Zoledro-Denk 4mg/5 ml	Thuốc	Lọ	362,240
549	Zoloft 50 mg	Thuốc	Viên	15,073
550	Zopistad 7.5	Thuốc	Viên	2,618
551	Alcol 90 độ	Sản phẩm không phải là thuốc	Lít	49,220
552	Bibolax Adults 8g	Sản phẩm không phải là thuốc	Tuýp	12,840
553	Calories - MCT	Sản phẩm không phải là thuốc	Gói	5,885
554	Dầu mù u 15ml	Sản phẩm không phải là thuốc	Lọ	5,731
555	Eczekalm	Sản phẩm không phải là thuốc	Tuýp	267,908
556	Enterogermina gut defense	Sản phẩm không phải là thuốc	Ống	8,184
557	Fenza	Sản phẩm không phải là thuốc	Viên	8,930
558	Fertilia Grossesse	Sản phẩm không phải là thuốc	Viên	9,758
559	Grovit with Lysin	Sản phẩm không phải là thuốc	Ống	8,560
560	Humer 150 Adulte	Sản phẩm không phải là thuốc	Chai	137,240

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
561	Humer Nourrisson Enfant 150ml	Sản phẩm không phải là thuốc	Lọ	147,110
562	IRIS	Sản phẩm không phải là thuốc	Ống	9,245
563	K-Y 82g	Sản phẩm không phải là thuốc	Tuýp	100,778
564	Latopic Body Emulsion 250ml	Sản phẩm không phải là thuốc	Chai	537,600
565	Latopic Face and Body Cream	Sản phẩm không phải là thuốc	Tuýp	362,250
566	MD-KNEE	Sản phẩm không phải là thuốc	Lọ	693,000
567	MeQuib Dextrin 20g	Sản phẩm không phải là thuốc	Gói	13,132
568	Mequib ost	Sản phẩm không phải là thuốc	Viên	5,130
569	Mom Fero-HL	Sản phẩm không phải là thuốc	Ống	7,627
570	Mul-Tamins	Sản phẩm không phải là thuốc	Chai	144,327
571	Multidex bột 12g	Sản phẩm không phải là thuốc	Tuýp	260,400
572	Natri clorid 0,9% chai 500ml BĐ (dùng ngoài)	Sản phẩm không phải là thuốc	Chai	11,235
573	Pierrot 250ml	Sản phẩm không phải là thuốc	Chai	173,250
574	Provag Emulsion 150ml	Sản phẩm không phải là thuốc	Chai	246,750
575	Siro ho NoctiTuss 200ml	Sản phẩm không phải là thuốc	Lọ	325,500
576	Soup Fomeal care 250ml	Sản phẩm không phải là thuốc	Hộp	39,055
577	Sữa Fontactiv complete (vanilla 800g)	Sản phẩm không phải là thuốc	Hộp	755,657
578	Sữa Fontactiv diabest (vanilla 400g)	Sản phẩm không phải là thuốc	Hộp	411,332
579	Sữa Fontactiv diabest (vanilla 800g)	Sản phẩm không phải là thuốc	Hộp	805,140
580	Thực phẩm dinh dưỡng y học Leisure Kidney 1	Sản phẩm không phải là thuốc	Hộp	40,125
581	THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC PEPTAMEN 400G	Sản phẩm không phải là thuốc	Hộp	567,000
582	Thực phẩm dinh dưỡng y học peptamen Junior 400g	Sản phẩm không phải là thuốc	Hộp	486,589
583	Vaselin (miếng)	Sản phẩm không phải là thuốc	Miếng	1,980
584	Vaselin Pure 10G	Sản phẩm không phải là thuốc	Tuýp	17,655
585	Airway số 0	Vật tư y tế	Cái	4,510
586	Airway số 1	Vật tư y tế	Cái	4,510
587	Airway số 2	Vật tư y tế	Cái	4,510
588	Airway số 3	Vật tư y tế	Cái	4,510
589	Alcohol Pads	Vật tư y tế	Miếng	224
590	Áo phẫu thuật size L	Vật tư y tế	Cái	23,540

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
591	Bao Camera Nội Soi Vt	Vật tư y tế	Cái	10,700
592	Bao cao su OK-hộp/48h/3 cái	Vật tư y tế	Cái	748
593	Băng cuộn y tế 0.09mx2.5m	Vật tư y tế	Cuộn	2,750
594	Băng phim trong Tegaderm 1633 vô trùng	Vật tư y tế	Cái	9,095
595	Băng Thun 3 Mấu 10Cmx3M (Bảo Thạch)	Vật tư y tế	Cuộn	14,980
596	Băng Thun 4 Mấu 16cmx5.5M	Vật tư y tế	Cuộn	26,750
597	Băng thun gối H1	Vật tư y tế	Cái	101,650
598	Băng thun gối H2	Vật tư y tế	Cái	115,500
599	Bình Đựng Vật Sắt Nhọn 1,5Lit	Vật tư y tế	Cái	16,050
600	Bình Đựng Vật Sắt Nhọn 6,8Lit	Vật tư y tế	Cái	24,610
601	Bình thông Phổi Siphonage đơn	Vật tư y tế	Cái	147,000
602	BK Fix Roll 15cm x 10m	Vật tư y tế	Cuộn	166,950
603	BK lụa Durapore 1 in 1538-1	Vật tư y tế	Cuộn	41,195
604	BK lụa Durapore 1/2 in 1538-0	Vật tư y tế	Cuộn	25,145
605	BK Lụa Young Plaster - Silk 2,5cm x 5m	Vật tư y tế	Cuộn	19,260
606	BK Micropore - 1 in 1530-1	Vật tư y tế	Cuộn	19,819
607	BK Optiskin 100 x 70	Vật tư y tế	Miếng	13,322
608	BK Optiskin 150 x 90	Vật tư y tế	Miếng	20,063
609	BK Tegaderm + Pad Dressing 5 x 7cm	Vật tư y tế	Miếng	10,165
610	BK Tegaderm + Pad Dressing 9 x 10cm	Vật tư y tế	Miếng	16,050
611	BK Tegaderm + Pad Dressing 9 x 15cm	Vật tư y tế	Miếng	21,400
612	BK Tegaderm + Pad Dressing 9 x 20cm	Vật tư y tế	Miếng	32,100
613	BK Tegaderm + Pad Dressing 9 x 25cm	Vật tư y tế	Miếng	38,520
614	BK Urgo Durable 5000's	Vật tư y tế	Miếng	518
615	BK Urgocrepe 10cmx4,5 m	Vật tư y tế	Cuộn	152,250
616	BK Urgosyval 2,5cmx5m	Vật tư y tế	Cuộn	20,865
617	Bộ hút đàm kín 72h số 14	Vật tư y tế	Cái	173,250
618	Bộ hút đàm kín số 12	Vật tư y tế	Bộ	26,750
619	Bộ khăn sanh thường có túi thu dịch và bao chân	Vật tư y tế	Bộ	152,250
620	Bộ khăn tổng quát (khăn giấy)	Vật tư y tế	Cái	306,600

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
621	Bộ mở bàng quang ra da số 16 Fr	Vật tư y tế	Bộ	787,500
622	Bộ mở thận ra da mono J đầy đủ, size 8 Fr	Vật tư y tế	Bộ	1,428,000
623	Bộ Sanh, Vt	Vật tư y tế	Bộ	194,250
624	Bộ tiêm chích FAV M15	Vật tư y tế	Bộ	12,305
625	Bông gòn viên 500Gr, Kvt	Vật tư y tế	Gói	110,250
626	Bông y tế 1 kg	Vật tư y tế	Kg	173,250
627	Bông y tế 25gr	Vật tư y tế	Gói	7,490
628	Bơm tiêm 10cc 23	Vật tư y tế	Cái	1,409
629	Bơm tiêm 1cc G26	Vật tư y tế	Cái	935
630	Bơm tiêm 20cc	Vật tư y tế	Cái	2,719
631	Bơm tiêm 3cc G25	Vật tư y tế	Cái	971
632	Bơm tiêm 50 tiêm	Vật tư y tế	Cái	5,932
633	Bơm tiêm 50cc cho ăn	Vật tư y tế	Cái	5,977
634	Bơm tiêm 5cc 23	Vật tư y tế	Cái	965
635	Bơm tiêm 5cc25	Vật tư y tế	Cái	965
636	Bơm tiêm TĐ Omican 1cc	Vật tư y tế	Cái	4,015
637	Bút Phẫu Thuật	Vật tư y tế	Cái	85,600
638	CERTOFIX TRIO V720	Vật tư y tế	Cái	688,511
639	Co Nối Nội Khí Quản	Vật tư y tế	Cái	37,450
640	CYTOCAN 20GX15MM	Vật tư y tế	Cây	52,805
641	Chế phẩm Glosair 400	Vật tư y tế	Chai	6,120,000
642	Chỉ Black silk (0) -A	Vật tư y tế	Tép	21,347
643	Chỉ Black silk (0) -O	Vật tư y tế	Tép	19,100
644	Chỉ Black silk (2/0) - KK	Vật tư y tế	Tép	17,976
645	Chỉ Black Silk (2/0) -A	Vật tư y tế	Tép	17,527
646	Chỉ Black silk (2/0) -O	Vật tư y tế	Tép	14,606
647	Chỉ Black silk (3/0) - KK	Vật tư y tế	Tép	17,976
648	Chỉ Black Silk (3/0) -A	Vật tư y tế	Tép	17,976
649	Chỉ Black silk (3/0) -O	Vật tư y tế	Tép	14,606
650	Chỉ Chromic Catgut (1) - O 26mm	Vật tư y tế	Tép	23,594

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
651	Chỉ Chromic Catgut (1) - O 40mm	Vật tư y tế	Tép	24,155
652	Chỉ Chromic Catgut (2/0) -O C30A26	Vật tư y tế	Tép	21,459
653	Chỉ Chromic Catgut (2/0) -O C30A30	Vật tư y tế	Tép	24,155
654	Chỉ Chromic Catgut (3/0) - O	Vật tư y tế	Tép	24,155
655	Chỉ Chromic Catgut (4/0) -O	Vật tư y tế	Tép	24,155
656	Chỉ Monosyn Violet (4/0) - O	Vật tư y tế	Tép	99,542
657	Chỉ Nylon (1) - A	Vật tư y tế	Tép	17,976
658	Chỉ Nylon (2/0) -A	Vật tư y tế	Tép	13,482
659	Chỉ Nylon (3/0) - A	Vật tư y tế	Tép	13,482
660	Chỉ Nylon (4/0) - A	Vật tư y tế	Tép	14,606
661	Chỉ Nylon (5/0) - A	Vật tư y tế	Tép	17,976
662	Chỉ Nylon (6/0) - A	Vật tư y tế	Tép	33,705
663	Chỉ Vicryl (1) - O W9431	Vật tư y tế	Tép	106,050
664	Chỉ Vicryl (2/0) - O W9121	Vật tư y tế	Tép	96,300
665	Chỉ Vicryl (3/0) - O W9120	Vật tư y tế	Tép	89,880
666	Chỉ Vicryl (4/0) - O W9113	Vật tư y tế	Tép	92,020
667	Chỉ Vicryl (5/0) - O W9105	Vật tư y tế	Tép	127,050
668	Chỉ Vicryl Rapide 2/0 -W9962	Vật tư y tế	Tép	115,500
669	Chỉ Vicryl Rapide 4/0 - O W9922	Vật tư y tế	Tép	105,525
670	Dao cạo râu Gillette	Vật tư y tế	Cái	9,630
671	Dao mổ 10	Vật tư y tế	Cái	5,939
672	Dao mổ 11	Vật tư y tế	Cái	5,939
673	Dao mổ 15	Vật tư y tế	Cái	5,939
674	Dao mổ 20	Vật tư y tế	Cái	5,939
675	Dầu John son's baby 200ml	Vật tư y tế	Chai	107,000
676	Dây hút dịch PT nhựa 4M	Vật tư y tế	Cái	20,865
677	Dây hút đàm số 12	Vật tư y tế	Cái	2,090
678	Dây hút đàm số 14	Vật tư y tế	Cái	2,090
679	Dây hút đàm số 8	Vật tư y tế	Cái	2,090
680	Dây Nối Bơm Tiêm Điện 140Cm	Vật tư y tế	Cái	10,165

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
681	Dây nối oxy 2m	Vật tư y tế	Dây	8,025
682	Dây oxy 1 nhánh số 12	Vật tư y tế	Cái	3,850
683	Dây oxy 1 nhánh số 8	Vật tư y tế	Cái	3,850
684	Dây Oxy 2 Nhánh Người Lớn	Vật tư y tế	Cái	6,420
685	Dây oxy 2 nhánh trẻ em	Vật tư y tế	Cái	6,420
686	Dây truyền máu (BBraun)	Vật tư y tế	Cái	25,571
687	DD Aniosafe Manuclear NPC HF 5 Lít	Vật tư y tế	Can	583,968
688	DD Aniosafe Manuclear NPC HF 500ml	Vật tư y tế	Chai	122,892
689	DD Anios'Clean Excel D 1lít	Vật tư y tế	Chai	321,820
690	DD Anios'Clean Excel D 5lít	Vật tư y tế	Can	1,494,473
691	DD Aniosgel 85 NPC 5 Lít	Vật tư y tế	Can	928,085
692	DD Aniosgel 85 NPC 500ml	Vật tư y tế	Chai	128,993
693	Dd Aniospray 29 1L	Vật tư y tế	Chai	273,861
694	DD Cidezyme 1L	Vật tư y tế	Chai	714,000
695	DD Dermanios Scrub Chlorhexidine (5 Lít)	Vật tư y tế	Can	1,025,766
696	DD Dermanios Scrub Chlorhexidine 500ML	Vật tư y tế	Chai	140,900
697	Dd Steranios 2% 5Lit (Ngâm Dc Không Hấp)	Vật tư y tế	Can	444,749
698	DD surfa safe 750ml	Vật tư y tế	Chai	373,968
699	DD Surfanios Premium 1L (KK bề mặt)	Vật tư y tế	Chai	362,723
700	Dd Surfanios Premium 5L (KK bề mặt)	Vật tư y tế	Can	1,583,474
701	Dermabond HVD INTL 12 AHV12	Vật tư y tế	Tuýp	217,350
702	Đai Đesault	Vật tư y tế	Cái	85,600
703	Đai thắt lưng H1	Vật tư y tế	Cái	136,501
704	Đai xương đòn	Vật tư y tế	Cái	42,800
705	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Vật tư y tế	Cái	386
706	Điện Cực Tim (Tròn)	Vật tư y tế	Cái	4,400
707	Formol đệm trung tính 10%	Vật tư y tế	Can	708,750
708	Gạc Dẫn Lưu Tmh - Bảo Thạch	Vật tư y tế	Cái	3,300
709	Gạc miếng 10x10cmx12lớp Cản quang,tiệt trùng.	Vật tư y tế	Miếng	2,125
710	Gạc miếng 10x10x12L, KCQ, Tiệt trùng	Vật tư y tế	Miếng	1,087

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
711	Gạc miếng 10x10x12L, KXR, KTT	Vật tư y tế	Miếng	1,478
712	Gạc Ptob 30X30X6, Cq, Ktt	Vật tư y tế	Miếng	6,966
713	Găng tay khám có bột size M	Vật tư y tế	Đôi	2,420
714	Găng tay khám có bột size S	Vật tư y tế	Đôi	2,420
715	Găng tay Không Bột size S	Vật tư y tế	Đôi	3,080
716	Găng Tay Tiệt Trùng 6,5	Vật tư y tế	Đôi	7,330
717	Găng Tay Tiệt Trùng 7	Vật tư y tế	Đôi	7,330
718	Găng Tay Tiệt Trùng 7.5	Vật tư y tế	Đôi	7,330
719	Giấy điện tim 6 cần 110x140	Vật tư y tế	Xấp	34,240
720	Giấy in BD 4000	Vật tư y tế	Xấp	220,500
721	Giấy in nhiệt cho monitor sản khoa	Vật tư y tế	Xấp	53,500
722	Giấy Thấm Y Tế 40X25	Vật tư y tế	Kg	34,775
723	Giấy UPP 110 x 20m	Vật tư y tế	Cái	173,250
724	INTRAFIX	Vật tư y tế	Sợi	12,493
725	INTROCAN SAFETY-W FEP 24G, 0.7X19MM	Vật tư y tế	Cây	21,935
726	Kim gây tê tủy sống 27G	Vật tư y tế	Cái	24,075
727	Kim GTTS Spinocan G25	Vật tư y tế	Cái	25,027
728	Kim lấy máu Terumo MS*GN4530	Vật tư y tế	Cái	1,760
729	Kim luồn BD Venflon Pro Safety 18G	Vật tư y tế	Cái	21,935
730	Kim luồn BD Venflon Pro Safety 20G	Vật tư y tế	Cái	21,935
731	Kim luồn BD Venflon Pro Safety 22G	Vật tư y tế	Cái	21,935
732	Kim Perifix S421	Vật tư y tế	Bộ	265,063
733	Kim rút thuốc 18	Vật tư y tế	Cái	467
734	Kim rút thuốc 23	Vật tư y tế	Cái	465
735	Khẩu trang giấy	Vật tư y tế	Cái	483
736	Khẩu trang N95-VN 5 lớp	Vật tư y tế	Cái	3,685
737	Khẩu Trang Tt (Ttb)	Vật tư y tế	Cái	1,315
738	Khóa 3 chạc + dây 100cm	Vật tư y tế	Cái	6,955
739	Khóa 3 chạc + dây 25cm	Vật tư y tế	Cái	8,132
740	Lọ Đựng Nước Tiểu Loại Thường	Vật tư y tế	Cái	1,836

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
741	Lọ đựng papmear	Vật tư y tế	Cái	6,677
742	Lọc khuẩn 3 chức năng	Vật tư y tế	Cái	26,750
743	Lọc thận - HD PLUS 8,4 B	Vật tư y tế	Can	168,000
744	Lọc thận- DD làm sạch và KK màng,máy lọc RO, NClean	Vật tư y tế	Can	1,509,600
745	Lọc Vi Khuẩn	Vật tư y tế	Cái	51,360
746	Lyostypt 5*8Cm	Vật tư y tế	Miếng	122,819
747	Màng dán phẫu thuật kháng khuẩn Ioban 34cmx35cm	Vật tư y tế	Miếng	157,500
748	Màng phẩu thuật kháng khuẩn IOBAN 6640EZ	Vật tư y tế	Miếng	157,500
749	Mask gây mê số 4	Vật tư y tế	Cái	59,920
750	Mask Khí Dung Người Lớn	Vật tư y tế	Cái	19,260
751	Mask khí dung trẻ em	Vật tư y tế	Cái	19,260
752	Mask Oxy Nồng Độ Cao	Vật tư y tế	Cái	26,750
753	Mask oxy người lớn	Vật tư y tế	Cái	16,050
754	Mechi Pt2X30X6, Cqvt	Vật tư y tế	Gói	7,383
755	Merocell	Vật tư y tế	Miếng	189,000
756	Mũ Pt, Vt	Vật tư y tế	Cái	1,140
757	Nạng gỗ lớn	Vật tư y tế	Cái	44,940
758	Nẹp bóng chày	Vật tư y tế	Cái	11,770
759	Nẹp cẳng tay H4	Vật tư y tế	Cái	136,501
760	Nẹp cổ bàn tay	Vật tư y tế	Cái	136,500
761	Nẹp cổ cứng	Vật tư y tế	Cái	120,750
762	Nẹp Cổ Mềm	Vật tư y tế	Cái	48,150
763	Nẹp cổ tay chun	Vật tư y tế	Cái	69,550
764	Nẹp đêm dài H2	Vật tư y tế	Cái	178,500
765	Nẹp đêm ngắn H1	Vật tư y tế	Cái	178,500
766	Nẹp gối ORBE	Vật tư y tế	Cái	126,000
767	Nẹp Iselin	Vật tư y tế	Cái	10,700
768	Nẹp lưng Olumba	Vật tư y tế	Cái	288,750
769	Nep ngón cái H1	Vật tư y tế	Cái	136,500
770	NK-PYLORI TEST (Test nội soi)	Vật tư y tế	Test	16,050

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
771	NKQ có bóng 7,0 (Kendall)	Vật tư y tế	Cái	59,658
772	NKQ có bóng 7,5 (Kendall)	Vật tư y tế	Cái	59,658
773	NKQ có bóng số 8 (Kendall)	Vật tư y tế	Cái	59,658
774	Nút/ nắp chặn kim luồn Heparin	Vật tư y tế	Cái	3,300
775	Nhiệt kế thủy ngân	Vật tư y tế	Cái	28,355
776	Ống cai chữ T	Vật tư y tế	Cái	53,500
777	Ống DL màng phổi Thoracic catheter số 28	Vật tư y tế	Cái	48,150
778	Ống NKQ có bóng ko DEHP 6,5mm	Vật tư y tế	Cái	61,932
779	Ống NKQ có bóng ko DEHP 7,0mm	Vật tư y tế	Cái	61,932
780	Ống NKQ có bóng ko DEHP 8,0mm	Vật tư y tế	Cái	61,932
781	Ống tiêm lấy khí máu động mạch không kim 1CC	Vật tư y tế	Cái	18,190
782	Ống thông phế quản trái 2 nòng số 28	Vật tư y tế	Cái	2,032,758
783	Ống thông phế quản trái 2 nòng số 32	Vật tư y tế	Cái	2,032,758
784	Ống thông ruột TT số 28	Vật tư y tế	Cái	16,050
785	Penrose Tt (Lam Dẫn Lưu)	Vật tư y tế	Cái	4,400
786	Presept 2,5g	Vật tư y tế	Viên	6,955
787	Sonde dạ dày số 16	Vật tư y tế	Cái	5,457
788	Sonde Foley 2 nhánh số 14	Vật tư y tế	Cái	16,585
789	Sonde Foley 2 Nhánh Số 16	Vật tư y tế	Cái	16,585
790	Sonde Foley 2 nhánh số 18	Vật tư y tế	Cái	16,585
791	Sonde Foley 3 Nhánh Số 18	Vật tư y tế	Cái	70,837
792	Sonde JJ Số 6Fr, dài 26cm	Vật tư y tế	Cái	341,250
793	Sonde Nelaton 1 nhánh số 14	Vật tư y tế	Cái	10,700
794	Sonde Pezzer các cỡ	Vật tư y tế	Sợi	23,540
795	Sonde Rectal 26 (Sonde Hậu Môn)	Vật tư y tế	Cái	6,420
796	Spongostan (MS0004)	Vật tư y tế	Miếng	476,700
797	Spongostan 7 x 5 x 1cm 20S	Vật tư y tế	Miếng	168,000
798	Surgicel 10X20Cm W1912	Vật tư y tế	Miếng	540,750
799	Tạp Dề Nilon, Kvt	Vật tư y tế	Cái	3,300
800	Tay dao đơn cực	Vật tư y tế	Cái	44,940

STT	TÊN THUỐC	LOẠI	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
801	Tăm bông rái tai lớn	Vật tư y tế	Gói	1,698
802	Tăm bông ráy tai nhỏ	Vật tư y tế	Hộp	30,739
803	Tấm điện cực trung tính REM NL	Vật tư y tế	Tấm	85,600
804	Tấm Lót Sản	Vật tư y tế	Cái	6,420
805	Tấm trải nylon 100X140Cm	Vật tư y tế	Cái	6,420
806	Tấm trải nylon tiệt trùng 100x140cm	Vật tư y tế	Cái	11,235
807	Túi ép hấp TT loại phồng 200mmx100m	Vật tư y tế	Cuộn	586,442
808	Túi hậu môn nhân tạo -Braun	Vật tư y tế	Túi	44,405
809	Túi nước tiểu	Vật tư y tế	Cái	6,367
810	Túi treo tay H2	Vật tư y tế	Cái	40,660
811	Threeway Discofix 3-Way 25Cm	Vật tư y tế	Cái	23,975
812	Threeway không dây	Vật tư y tế	Cái	5,618
813	Vòng đeo tay bệnh nhân	Vật tư y tế	Cái	3,080
814	Vòng tránh thai T380	Vật tư y tế	Cái	17,655